

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 04

Tổ : 001

Trang 1/3

Mã nhận dạng 04093

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kinh tế vĩ mô 1-208110

Ngày Thi : 16/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD101 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13116004	ĐINH BÁ ÁI	DH13KS	<i>Đinh Bá Ái</i>	1	0,5	1,8	2,8	5,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	10122005	LÊ MINH ANH	DH10QT			✓	✓	✓		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	13116010	LÊ CÔNG NHẬT BÌNH	DH13KS	<i>Le Công Nhật Bình</i>	1	1	1,8	5,8	8,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	13116314	ĐOÀN MINH CHIẾN	DH13KS	<i>Đoàn Minh Chiến</i>	1	1	1,9	6,7	9,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	13124032	THỊ CHỜ	DH13QD	<i>Thị Chờ</i>	1	0,5	1,8	5,6	7,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	13116317	CAO TUẤN CƯỜNG	DH13KS							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	13124052	NGUYỄN NGỌC DŨNG	DH13QD	<i>Nguyễn Ngọc Dũng</i>	1	1	1,7	2,5	5,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	13363038	NGUYỄN THỊ DUYÊN	CD13CA	<i>Nguyễn Thị Duyên</i>	1	1	1,3	6,2	8,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	11333171	PHAN ĐÌNH HỒNG ĐỨC	CD11CQ	<i>Phan Đình Hồng Đức</i>	1	1	0,7	0	1,7	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	13124076	NGUYỄN THỊ KIM GIÁP	DH13TB	<i>Nguyễn Thị Kim Giáp</i>	1	1	1,3	3,7	6,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	13116378	VÕ MẠNH HẢI	DH13KS							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	13124097	PHẠM THỊ NGỌC HÂN	DH13QL	<i>Phạm Thị Ngọc Hân</i>	1	1	1,8	5,3	8,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	13123048	NGUYỄN THỊ HIỀN	DH13KE	<i>Nguyễn Thị Hiền</i>	1	1	1,7	6,7	9,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	13124110	VÕ THỊ DIỆU HIỀN	DH13QL	<i>Võ Thị Diệu Hiền</i>	1	0,5	1,8	3,0	5,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	13116081	NGUYỄN VĂN HÙNG	DH13KS	<i>Nguyễn Văn Hùng</i>	1	1	1,8	6,7	9,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	11333020	TRẦN DUY KHÁNH	CD11CQ	<i>Trần Duy Khánh</i>	1	1	0	2,6	3,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	13124164	PHAN VŨ ĐĂNG KHOA	DH13QL	<i>Phan Vũ Đăng Khoa</i>	1	1	1,7	5,1	7,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kinh tế vĩ mô 1-208110

Ngày Thi : 16/01/15

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi RD101

Nhóm : 04

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	11120069	NGUYỄN TIẾN LONG	DH11KT							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	13124200	TẠ THÀNH	DH13QD	Lên	1	0,5	1,7	2,8	5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13116162	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DH13KS	Phu	1	1	1,8	7,0	9,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13120351	LÊ THỊ THẢO	DH13KT	Lên	1	1	1,3	4,4	6,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13333473	TRẦN ĐÌNH	CD13CQ							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13116194	NGUYỄN MINH THÀNH	DH13KS	Phu	1	1	1,9	2,1	5,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13116698	HUỖNH NGỌC TIỀN	DH13KS	Tiền	1	0,5	1,8	3,0	5,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13116729	VÕ HUỖNH TRIẾT	DH13KS	Phu	1	0,5	1,8	6,3	8,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13116764	TRẦN THANH TÙNG	DH13KS	Phu	1	1	1,8	3,5	6,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13333628	TRƯƠNG THỊ MỘNG	CD13CQ	Mộng	1	1	1,3	2,2	4,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12333355	PHẠM TƯỜNG VI	CD12CQ							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13124481	TRẦN HOÀNG VŨ	DH13QL	Vũ	1	1	1,7	1,0	4,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13116787	LÊ VĂN XIN	DH13KS	Phu	1	1	1,8	5,7	8,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 06

Hiện diện: 24

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trần Đình Xương

Nguyễn Văn Cường

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kinh tế vĩ mô 1-208110

Ngày Thi : 12/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi CT305

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13333018	TRẦN KIM NGỌC	ÁNH	CD13CQ	1	1	1,9	2,6	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13124031	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	CHI	DH13QL	1	0,5	1,7	3,5	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13333047	LÂM THÀNH	CHUNG	CD13CQ						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13124036	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	DH13QL	1	0,5	1,6	4,7	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13333082	TRẦN NGỌC	DUYÊN	CD13CQ						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13124051	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	DH13QL	Duyên	1	1	2,2	3,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13116031	LÊ VĂN	DƯƠNG	DH13KS	Dương	2	1	1,9	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13363045	NGUYỄN THỊ	DƯƠNG	CD13CA	Dương	1	1	1,6	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13124062	LÊ NGUYỄN PHÁT	ĐẠT	DH13QL		1	1	1,6	1,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13333168	HÀ VĂN	HOÀNG	CD13CQ						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13333179	KÁ	HỒNG	CD13CQ	Hồng	1	1	1,6	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13363111	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	CD13CA		1	1,9	1,3	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13116087	LÊ VĂN TRƯỜNG	KHA	DH13KS	Kha	2	1	1,7	5,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11333121	HÀ ĐỨC	KHANH	CD11CQ		1	1	1,6	4,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13124174	VĂN THỊ	LAN	DH13QL	Van	1	1	1,9	5,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13124177	PHẠM NGỌC	LÂM	DH13QL	Lâm	1	0,5	1,9	2,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13124178	NGUYỄN THỊ MỸ	LÊ	DH13QL	Nguyen	1	1	1,9	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kinh tế vĩ mô 1-208110

Ngày Thi : 12/01/15

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi CT305

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	13124203	PHAN THỊ LỰA	DH13QL	<i>Phan L</i>	1	1	4,9	4,2	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	13116475	NGUYỄN THÀNH LUÂN	DH13KS	<i>Luân</i>	1	1	1,7	4,9	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	08222110	NGUYỄN TRỌNG MINH	TC08QTTD	<i>Trọng Minh</i>	1	1	1,6	2,6	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13120301	TRẦN THỊ KIM NGÂN	DH13KT	<i>Trần Kim Ngân</i>	1	0,5	0,7	0,9	2,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13120127	LÂM THỊ THANH NGUYỄN	DH13KT	<i>Nguyen Lam Thi Thanh</i>	1	1	4,6	6,0	8,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13120312	NGÔ THẢO NGUYỄN	DH13KT	<i>Ngô Thảo Nguyễn</i>	2	1	1,9	4,9	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13120314	NGUYỄN THỊ THÙY NGUYỄN	DH13KM	<i>Nguyễn Thị Thùy Nguyễn</i>	1	1	1,7	0,0	2,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12122187	NGUYỄN THANH NGUYỆT	DH12QT							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11143084	NGUYỄN SO NI	DH11KM							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13124283	NGÔ HỒNG PHÚC	DH13QL	<i>Phúc</i>	1	0,5	1,9	2,3	4,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13116556	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	DH13KS	<i>Phúc</i>	1	0,5	1,6	5,6	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11122097	NGUYỄN THÁI PHƯƠNG	DH11QT	<i>Phuoc</i>	1	1	1,7	2,8	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13120349	TRẦN THỊ HỒNG PHƯƠNG	DH13KT	<i>Phuoc</i>	1	1	4,9	5,1	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13122903	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	DH13QT	<i>Phuoc</i>	1	0,5	1,7	4,0	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13124315	NGUYỄN THANH SƠN	DH13QL							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12120122	ĐỖ THỊ HỒNG SƯƠNG	DH12KM	<i>Đỗ Hương</i>	1	0	0	0	0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12333428	CAO DUY THÀNH	CD12CQ	<i>Thành</i>	1	1	1,6	5,0	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kinh tế vĩ mô 1-208110

Ngày Thi : 12/01/15

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi CT305

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	13124370	HỒ ĐẮC MINH THỊNH	DH13QL		1	1	46	44	30	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11333202	LƯƠNG THỊ MỸ TIÊN	CD11CQ		1	1	1,7	4,6	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	13120420	HUỖNH THỊ THU TRANG	DH13KT		1	1	1,9	6,1	9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13124415	TRẦN THỊ TRANG	DH13DC		1	1	1,7	2,5	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13116721	TRẦN MAI LỆ TRÂM	DH13KS		1	1	1,9	3,0	9,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13124453	TẠ NHẬT TRƯỜNG	DH13QL		1	1	1,6	2,3	4,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12363052	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	CD12CA		1	1	1,9	3,3	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13120460	TRẦN HUỖNH NHẢ UYÊN	DH13KT		1	1	1,9	6,1	9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	10121022	NGUYỄN HUỖNH VĂN	DH13PT		1	1	1,7	5,3	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 06 Hiện diện: : 37

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trần Đình Mạnh

Nguyễn Thị Ngọc Hà

Nguyễn Văn Cường